| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ MINH HẢI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 78 /TB-UBND | *Minh Hải, ngày 24 tháng 7 năm 2024* |

# THÔNG BÁO

**V/v công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024**

## UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ MINH HẢI

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NQ – CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước ;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ- HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Minh Hải về việc dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024;

UBND xã Minh Hải tiến hành công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

**1. Hồ sơ công bố công khai gồm có:**

Biểu số 113/CKTC-NSNN Cân đối ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024

Biểu số 114/CKTC-NSNN Ước thực hiện thu NS 6 tháng đầu năm 2024

Biểu số 115/CKTC-NSNN Ước thực hiện chi NS xã 6 tháng đầu năm 2024

*Thời điểm niêm yết 30 ngày kể từ ngày 24 / 7 / 2024

**2.Địa điểm công khai:**

-Trụ sở UBND xã Minh Hải;

-Đài truyền thanh xã;

3. Tổ chức thực hiện:

- Đài truyền thanh xã thông báo công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 trên hệ thống đài truyền thanh xã.

- Văn phòng UBND xã phối hợp với cán bộ tài chính xã niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã.

UBND xã Minh Hải trân trọng thông báo công khai tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024.

***Nơi nhận:***
- BTV Đảng uỷ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trưởng ngành đoàn thể;
- Đài truyền thanh xã ;
- Lưu: VP.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Đào**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ MINH HẢI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 152/QĐ-UBND | *Minh Hải, ngày 8 tháng 1 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai số liệu thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

## ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH HẢI

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Minh Hải về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND xã Minh Hải về việc giao dự toán NSNN năm 2024;*

*Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 xã Minh Hải.

Tổng thu 6 tháng/2024 là: 19.414.887.395 đồng.

Tổng chi 6 tháng/2024 là: 8.028.734.117 đồng.

***(Có các biểu đính kèm).***

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công khai bằng hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Uỷ ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã.

**Điều 3.** Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán xã và ban ngành liên quan căn cứ thực hiện quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Đào**

UBND Xã: Minh Hải

Biểu số 113/CK TC - NSNN

# CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG THU | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | SO SÁNH (%) |
|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 = 2/1 |
| **I** | **TỔNG SỐ THU** | **78.124.065.000** | **19.414.887.395** | **24,8500** |
| 1 | Các khoản thu xã hưởng 100 % | 105.000.000 | 2.408.089.000 | 229,3400 |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 71.710.000.000 | 1.569.628.195 | 2,1900 |
| 3 | Thu bổ sung | 6.309.065.000 | 3.191.532.496 | 50,59 |
| | *- Bổ sung cân đối ngân sách* | *6.309.065.000* | *3.166.532.496* | 50,40 |
| | *- Bổ sung có mục tiêu* | | *25.000.000* | |
| 4 | Thu chuyển nguồn | | 12.245.637.709 | |
| **II** | **TỔNG SỐ CHI** | **78.124.065.000** | **8.028.734.117** | **10,2769** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 70.099.999.000 | 5.291.991.156 | 7,5492 |
| 2 | Chi thường xuyên | 7.060.493.000 | 2.736.742.961 | 38,7614 |
| 3 | Dự phòng | 963.573.000 | | |

*Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách*
*địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.*

UBND Xã: Minh Hải

Biểu số 114/CK TC - NSNN

# ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | | SO SÁNH (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| | **Tổng số thu ngân sách xã** | **102.377.636.429** | **78.124.065.000** | **22.571.516.427** | **19.414.887.400** | **22,04** | **24,85** |
| **A** | **Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc** | **102.377.636.429** | **78.124.065.000** | **22.571.516.427** | **19.414.887.400** | **22,04** | **24,85** |
| **I** | **Các khoản thu 100%** | **105.000.000** | **105.000.000** | **2.408.089.000** | **2.408.089.000** | **229,34** | **229,34** |
| 1 | Phí, lệ phí | 35.000.000 | 35.000.000 | 11.030.000 | 11.030.000 | 31,51 | 31,51 |
| 2 | Thu từ quỹ đất công ích và đất công | 50.000.000 | 5.000.000 | | | | |
| 3 | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| 4 | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| 5 | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước | | | 2.368.120.000 | 2.365.120.000 | | |
| 7 | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| 8 | Thu khác | 20.000.000 | 20.000.000 | 28.939.000 | 28.939.000 | 144,69 | 144,69 |
| **II** | **Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)** | **95.963.571.429** | **71.710.000.000** | **4.726.257.222** | **1.569.628.195** | **4,92** | **2,18** |
| 1 | Thuế thu nhập cá nhân | 700.000.000 | 300.000.000 | 923.782.198 | 373.009.173 | 131,96 | 124,33 |
| 2 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 350.000.000 | 350.000.000 | 96.062.303 | 96.062.303 | 27,44 | 27,44 |
| 3 | Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | 14.150.000 | 14.150.000 | | |
| 4 | Thu điều tiết khác | | | 24.370.461 | 8.856.557 | | |
| 5 | Lệ phí trước bạ nhà, đất | 260.000.000 | 260.00.000 | 276.842.638 | 138.421.321 | 106,47 | 53,23 |
| 6 | Cấp quyền sử dụng đất | 71.428.571.429 | 50.000.000.000 | 493.894.000 | 345.725.800 | 0,69 | 0,69 |
| 7 | Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước | 2.750.000.000 | 550.000.000 | 2.761.062.395 | 552.212.479 | 100,4 | 100,4 |
| 8 | Thuế tài nguyên | | | 12.366.000 | 12.366.000 | | |
| 9 | Thuế giá trị gia tăng | 375.000.000 | 150.000.000 | 123.695.575 | 28.818.230 | 32,98 | 19,2 |
| 10 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 31.652 | 6332 | | |
| 11 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | | | | | | |
| **III** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | **6.309.065.000** | **6.309.065.000** | **3.191.532.496** | **3.191.532.496** | **50,58** | **50,58** |
| | Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | 6.309.065.000 | 6.309.065.000 | 3.166.532.496 | 3.166.532.496 | 50,19 | 50,19 |
| | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên | | | 25.000.000 | 25000000 | | |
| **IV** | **Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)** | | | | | | |
| **V** | **Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)** | | | 12.245.637.709 | 12.245.637.709 | | |

UBND Xã: Minh Hải

Biểu số 115/CK TC - NSNN

# ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | | | SO SÁNH (%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | **TỔNG CHI** | **78.124.065.000** | **70.099.999.000** | **8.024.066.000** | **8.028.734.117** | **5.291.991.156** | **2.736.742.961** | **10,27** | **7,54** | **34,1** |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| A | Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc | 78.124.065.000 | 70.099.999.000 | 8.024.066.000 | 8.028.734.117 | 5.291.991.156 | 2.736.742.961 | 10,27 | 7,54 | 34,1 |
| I | Chi đầu tư phát triển (1) | 70.099.999.000 | 70.099.999.000 | | 5.291.991.156 | 5.291.991.156 | | 7,54 | 7,54 | |
| 1 | Chi đầu tư XDCB | 69.549.999.000 | 69.549.999.000 | | 5.291.991.156 | 5.291.991.156 | | 7,6 | 7,6 | |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | 550.000.000 | 550.000.000 | | | | | | | |
| II | Chi thường xuyên | 7.060.493.000 | | 7.060.493.000 | 2.736.742.961 | | 2.736.742.961 | 38,76 | | 38,76 |
| 1 | Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự | 600.000.000 | | 600.000.000 | 220.610.000 | | 220.610.000 | 36,76 | | 36,76 |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục | 30.000.000 | | 30.000.000 | | | | | | |
| 3 | Chi sự nghiệp y tế - dân số | 120.000.000 | | 120.000.000 | 27.630.000 | | 27.630.000 | 23,02 | | 23,02 |
| 4 | Sự nghiệp văn hoá, thông tin | 70.000.000 | | 70.000.000 | 8.964.000 | | 8.964.000 | 12,8 | | 12,8 |
| 5 | Sự nghiệp thể dục thể thao | 30.000.000 | | 30.000.000 | | | | | | |
| 6 | Sự nghiệp kinh tế | 170.000.000 | | 170.000.000 | 19.080.000 | | 19.080.000 | 0,112235294 | | 11,22 |
| 7 | Sự nghiệp xã hội | 360.000.000 | | 360.000.000 | 104.340.000 | | 104.340.000 | 21,74 | | 28,98 |
| 8 | Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể | 5.680.493.000 | | 5.680.493.000 | 2.310.398.961 | | 2.310.398.961 | 40,67 | | 40,67 |
| | Tổ chức xã hội | | | | 45.720.000 | | 45.720.000 | | | |
| 10 | Chi khác và khen thưởng | | | | | | | | | |
| III | Dự phòng và cải cách tiền lương | 963.573.000 | | 963.573.000 | | | | | | |
| IV | Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có) | | | | | | | | | |

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ MINH HẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

# CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số : 252/QĐ-UBND ngày 8 / 7/2024 củ UBND xã Minh Hải)*

I. Tình hình thu ngân sách: (Biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện là 19.414.887.39524đồng đạt 24,85% dự toán.

Một số khoản thu thực hiện như sau:

- Các khoản thu hưởng 100 % là 2.408.089.000 đồng đạt 229,34%
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ là 1.569.628.195 đồng đạt 2,18%
- Thu bổ sung là 3.191.532.496 đồng đạt 50,58 %
- Thu chuyển nguồn là 12.245.637.709 đồng

Đánh giá thực hiện:

Trong 6 tháng đầu năm 2024 triển khai nhiệm vụ, tổng thể nguồn thu ngân sách được hưởng theo phân cấp cân đối ngân sách đạt dự toán đề ra là 24,85% đạt tỷ lệ thấp.

II. Tình hình chi ngân sách: (Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện, số tiền là 8.028.734.117 đồng đạt 10,27% dự toán.

1. Chi đầu tư phát triển : 5.291.991.156 đồng đạt 7,54%
2. Chi thường xuyên: 2.736.742.961 đồng đạt 34,1%

Đánh giá thực hiện:

Công tác điều hành chi ngân sách được thực hiện chủ động, tích cực đảm bảo cân đối ngân sách, đáp ứng được đầy đủ kịp thời các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách và các khoản chi khác theo dự toán được giao đầu năm và có tiết kiệm.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã Minh Hải đã thực hiện cân đối ngân sách đảm bảo chi những nhiệm vụ quan trọng như : Chi công tác tuyển quân, đưa

công dân lên đường nhập ngũ, Tặng quà cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết nguyên đán,Thăm tặng quà cho nam thanh niên nhập ngũ, Chi cho công tác ĐH MTTQ xã, Chi cho công tác Đại hội Liên Hiệp Đoàn TNHCM.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Minh Hải.